

Số: 329 /KH-UBND

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2022

KẾ HOẠCH

Tặng quà tới các đối tượng hưởng chính sách, người có công; người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng; hộ nghèo; hộ cận nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội; người cao tuổi; công nhân viên chức lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; nữ cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh khó khăn; thăm hỏi tặng quà các tổ chức, cá nhân tiêu biểu, đơn vị thực hiện chính sách nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão 2023

Căn cứ Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức hỗ trợ kinh phí hoạt động hằng năm của Đại diện các Ban liên lạc tù chính trị thành phố Hà Nội và nội dung, mức tặng quà của Thành phố tới các đối tượng nhân dịp Tết Nguyên đán; kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7; ngày Quốc khánh 02/9; ngày Quốc tế thiếu nhi và Tết Trung thu.

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch tặng quà tới các đối tượng hưởng chính sách, người có công; người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng; hộ nghèo; hộ cận nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội; người cao tuổi; công nhân viên chức lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; nữ cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh khó khăn; thăm hỏi tặng quà các tổ chức, cá nhân tiêu biểu, đơn vị thực hiện chính sách nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão 2023, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đối với công tác chăm lo Tết Nguyên đán Quý Mão 2023, đảm bảo mục tiêu quan tâm tốt hơn đến đời sống, vật chất tinh thần người hưởng chính sách thuộc lĩnh vực người có công; gia đình diện hộ nghèo; hộ cận nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội; người cao tuổi; người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng; các tổ chức, cá nhân tiêu biểu; cán bộ trực Tết Nguyên đán và đối tượng tại các Trung tâm nuôi dưỡng, phục hồi chức năng, chữa trị tập trung trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bệnh viện 09 - Sở Y tế, đảm bảo chính sách an sinh xã hội trên địa bàn Thành phố.

- Chủ động, tổ chức thực hiện kịp thời việc tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán tới các đối tượng theo quy định tại Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Yêu cầu

- Thực hiện tốt việc thăm hỏi, tặng quà đảm bảo đúng đối tượng, đầy đủ chế độ chính sách, kịp thời theo quy định tài chính hiện hành.

- Huy động tối đa các nguồn lực xã hội với nhiều hình thức đa dạng, phong phú mang lại hiệu quả thiết thực nhằm chăm lo tốt hơn đối với đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, đảm bảo mọi người dân đều có Tết.

- Các Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện thăm hỏi, tặng quà đảm bảo đúng chính sách, đúng đối tượng, công khai, dân chủ.

- Chủ động phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm, trục lợi chính sách, chi trả tặng quà không đầy đủ theo quy định.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Đối tượng và mức tặng quà

a) Mức quà tặng cá nhân:

- Mức quà (bằng tiền mặt) 2.000.000 đồng/người: Bà mẹ Việt Nam anh hùng; anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh tổn thương cơ thể từ 21% trở lên; bệnh binh tổn thương cơ thể từ 41% trở lên; thương bệnh binh của thành phố Hà Nội hiện đang được nuôi dưỡng tại 7 trung tâm thuộc các tỉnh liền kề; người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành cách mạng); người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (Tiền khởi nghĩa); người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (trường hợp người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì đại diện vợ, chồng, con được nhận); đại diện thân nhân của liệt sĩ (Bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi); thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày.

Trường hợp 01 cá nhân thuộc các đối tượng người có công nêu trên thì chỉ nhận 01 suất quà tặng của Thành phố.

- Mức quà (bằng tiền mặt) 1.000.000 đồng/người: Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng; con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học của thành phố Hà Nội hiện đang được nuôi dưỡng tại 7 trung tâm thuộc các tỉnh liền kề; đại diện thờ cúng liệt sĩ (01 liệt sĩ/01 suất quà); quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng; cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về

địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hằng tháng; người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hằng tháng.

- Mức quà (bằng tiền mặt) 1.000.000 đồng/người: Nữ cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hằng tháng) theo đề xuất của Hội cựu Thanh niên xung phong thành phố Hà Nội.

- Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi (bằng tiền mặt):

+ 1.200.000 đồng/người: Người cao tuổi trên 100 tuổi (sinh trước năm 1923);

+ 1.500.000 đồng/người (đã bao gồm 5 mét vải lụa): Người cao tuổi tròn 100 tuổi (sinh năm 1923);

+ 1.000.000 đồng/người: Người cao tuổi tròn 90, 95 tuổi (sinh năm 1933, 1928);

+ 700.000 đồng/người: Người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85 (sinh năm 1953, 1948, 1943, 1938).

- Mức quà (bằng tiền mặt) 500.000 đồng/người: Người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (theo đề xuất của Liên đoàn lao động thành phố Hà Nội).

- Mức quà (bằng tiền mặt) 300.000 đồng/người: Người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng; đối tượng Bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội tại cộng đồng.

- Mức quà (bằng tiền mặt): 500.000 đồng/hộ đối với hộ nghèo; 300.000 đồng/hộ đối với hộ cận nghèo;

Trường hợp tặng quà thuộc đối tượng chính sách người có công; đối tượng hưởng theo các Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008, số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010, số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011, thanh niên xung phong đồng thời là đối tượng bảo trợ xã hội thì chỉ được hưởng một chế độ tặng quà cao nhất (trừ quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi).

b) Mức quà tặng các đơn vị, cá nhân tiêu biểu; bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp trong các ngày Tết và bổ sung thêm tiền ăn trong những ngày Tết cho các đối tượng đang được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các đơn vị trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bệnh viện 09 - Sở Y tế quản lý:

- Tặng quà 87 đơn vị, mỗi suất quà trị giá từ 6.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng, trong đó:

+ Đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng quà theo Kế hoạch của Thành ủy Hà Nội bao gồm: Câu lạc bộ Thăng Long, Ban Đại diện các chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù, đày thành phố Hà Nội, Khu điều dưỡng cán bộ tại Đại Lải, Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công số 2 Hà Nội, Trung tâm bảo trợ xã hội 2 Hà Nội.

+ Ủy quyền cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các quận, huyện, thị xã tặng quà (82 đơn vị): Trường giáo dưỡng Bộ Công an - Ninh Bình; UBND huyện Thanh Thủy - tỉnh Phú Thọ; các Trung tâm nuôi dưỡng người có công các tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng (7 đơn vị); Làng Hữu nghị Việt Nam; Bệnh viện 09 - Sở Y tế; Ban Phục vụ lễ tang Hà Nội; Hội Nạn nhân chất độc da cam Thành phố; Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố; Ban Quản lý các nghĩa trang của Thành phố (Ban Quản lý nghĩa trang liệt sỹ Nhân, Ban Quản lý nghĩa trang liệt sỹ Ngọc Hồi, Ban Quản lý nghĩa trang Mai Dịch); Hội Người khuyết tật Thành phố; Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Thành phố; Hội Cứu trợ trẻ em khuyết tật Thành phố; Hội Người mù Thành phố; Hội Doanh nghiệp của thương binh và người khuyết tật Thành phố; các đơn vị nuôi dưỡng, điều dưỡng đối tượng chính sách xã hội tập trung; các Trung tâm phục hồi chức năng; các Cơ sở bảo trợ xã hội; các đơn vị sản xuất kinh doanh được cơ quan có thẩm quyền công nhận sử dụng 30% tổng số lao động trở lên là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh và các đơn vị sản xuất kinh doanh sử dụng trên 30% lao động là người khuyết tật trên địa bàn Thành phố.

- Tặng 150 suất quà cá nhân tiêu biểu, mỗi suất 6.000.000 đồng (tiền mặt 5.000.000 đồng, túi quà 1.000.000 đồng), trong đó:

+ Đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng quà (mỗi quận, huyện, thị xã chọn 03 trường hợp) theo Kế hoạch của Thành ủy Hà Nội bao gồm: các đồng chí Lão thành cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng; nhân sỹ, trí thức, gia đình chính sách, hộ nghèo, công nhân lao động, công dân ưu tú, gương người tốt việc tốt tiêu biểu trên địa bàn Thành phố.

+ Ủy quyền cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã thăm tặng quà gia đình người có công tiêu biểu (mỗi quận, huyện, thị xã chọn 02 gia đình).

- Tặng quà (bằng tiền mặt) 500.000 đồng/người: Bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp; bổ sung thêm tiền ăn cho các đối tượng đang được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung trong các ngày Tết tại các Trung tâm chữa trị và nuôi dưỡng đối tượng xã hội tập trung trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bệnh viện 09 - Sở Y tế.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

c) Ngoài quà tặng của Thành phố, các địa phương tùy vào điều kiện và khả năng thực tế có thể có các cơ chế chính sách hỗ trợ các gia đình chính sách xã hội khó khăn trên địa bàn quản lý, bảo đảm các đối tượng đều có Tết.

2. Kinh phí và nguồn kinh phí

Tổng số đối tượng tặng quà (dự kiến): 1.082.204 người, với tổng kinh phí (dự kiến) là 554.119.400.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm năm mươi bốn tỷ một trăm mười chín triệu bốn trăm nghìn đồng*).

a) Nguồn kinh phí:

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch được đảm bảo từ nguồn ngân sách cấp Thành phố, cấp huyện, cấp xã theo phân cấp và các nguồn huy động hợp pháp khác.

b) Các đơn vị có trách nhiệm sử dụng kinh phí theo đúng quy định, chi trả đúng đối tượng, đúng chế độ, chính sách và thanh quyết toán kinh phí thực hiện đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

c) Ngoài kinh phí từ nguồn ngân sách nêu trên, giao Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ vào các nguồn quyên tặng, nguồn được phép huy động khác phù hợp với khả năng của cơ quan, đơn vị để quyết định các mức trợ cấp, mức tặng quà và tổ chức trợ cấp khó khăn đối với các đối tượng nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã hướng dẫn, tuyên truyền, triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Phối hợp với Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức thăm hỏi, tặng quà tới các tổ chức và cá nhân tiêu biểu theo nhiệm vụ được phân công.

- Tham mưu, đề xuất lãnh đạo Thành phố thăm và tặng quà Ban Đại diện các chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù, đày thành phố Hà Nội, Khu điều dưỡng cán bộ tại Đại Lải, Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công số 2 Hà Nội, Trung tâm bảo trợ xã hội 2 Hà Nội.

- Kiểm tra việc thăm hỏi, tặng quà, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những vi phạm trong việc thực hiện chính sách tặng quà.

- Tổng hợp kết quả tặng quà, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc Thành phố; Sở Tài chính tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí kinh phí chi thường xuyên ngân sách cấp Thành phố để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

3. Sở Y tế

Chủ trì tổ chức việc thăm hỏi và hỗ trợ bổ sung tiền ăn cho đối tượng đang được nuôi dưỡng, chữa trị tại Bệnh viện 09 nhân dịp Tết Nguyên đán.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và các hoạt động thăm tặng quà người hưởng chính sách thuộc lĩnh vực người có công; gia đình diện hộ nghèo; người cao tuổi; người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng; các tổ chức, cá nhân tiêu biểu nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.

5. Liên đoàn Lao động Thành phố

- Chủ trì, xây dựng kế hoạch chăm lo đời sống đoàn viên, người lao động; Tổ chức tặng quà Tết cho các đối tượng là người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn Thành phố nhân dịp Tết Nguyên đán.

- Triển khai tốt công tác đưa đoàn viên và người lao động về quê đón tết; phối hợp xử lý những phát sinh của người lao động về quyền lợi trong dịp Tết.

6. Bảo hiểm xã hội Thành phố

Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các quận, huyện, thị xã phối hợp với cơ quan Bru điện tổ chức chi trả tiền quà Tết của Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời đến tay người hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng bằng hai hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản.

7. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tặng quà Tết trên địa bàn hiệu quả, thiết thực, đảm bảo tất cả người dân trên địa bàn đều được đón tết vui vẻ, đầm ấm.

- Phổ biến tuyên truyền chính sách tặng quà của Thành phố tới xã, phường, thị trấn và Nhân dân địa phương; Niêm yết công khai đối tượng, tiêu chuẩn và mức quà tặng tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND xã, phường, thị trấn rà soát danh sách đối tượng; đảm bảo kinh phí và tổ chức thực hiện tặng quà theo quy định xong trước ngày 13/01/2023 (*tức ngày 22 tháng 12 năm Nhâm Dần*).

- Tổ chức trao Thiếp mừng thọ của Chủ tịch Nước đến người cao tuổi tròn 100 tuổi (theo ủy quyền tại Quyết định số 5797/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND Thành phố); trao thiếp mừng thọ của Chủ tịch UBND Thành phố cho người cao tuổi tròn 90 tuổi (theo ủy quyền tại Quyết định số 7137/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND Thành phố) đồng thời chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn phối hợp với Hội Người cao tuổi tổ chức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi đảm bảo trang trọng, chu đáo, tiết kiệm.

- Lựa chọn 03 trường hợp cá nhân tiêu biểu trên địa bàn để lãnh đạo Thành phố đi thăm và chúc Tết (thực hiện theo Kế hoạch của Thành ủy Hà Nội); Chuẩn bị quà tặng, tháp tùng đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm và chúc tết các cá nhân tiêu biểu trên địa bàn.

- Tổ chức thăm hỏi, tặng quà đến 02 gia đình chính sách người có công tiêu biểu (*gia đình người có công tiêu biểu được lựa chọn tặng quà không trùng với đối tượng tiêu biểu đã được Thành phố thăm, tặng quà hai năm gần đây*) và một số đơn vị sản xuất kinh doanh được cơ quan có thẩm quyền công nhận sử dụng 30% tổng số lao động trở lên là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh và đơn vị sản xuất, kinh doanh sử dụng trên 30% lao động là người khuyết tật trên địa bàn Thành phố; một số tổ chức tiêu biểu theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cấp kinh phí cho cơ quan Bảo hiểm xã hội thực hiện tặng quà đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng trên địa bàn Thành phố.

- Huy động các nguồn lực, sự trợ giúp của các tổ chức, đơn vị, cá nhân và cộng đồng thăm hỏi, tặng quà, động viên các đối tượng chính sách, xã hội khó khăn, hộ mới thoát nghèo.

- Hướng dẫn, kiểm tra, rà soát, giám sát các xã, phường, thị trấn tổ chức thăm hỏi, tặng quà đảm bảo đúng đối tượng quy định.

- Báo cáo kết quả việc thăm hỏi, tặng quà trên địa bàn; gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Thành phố

Chỉ đạo thực hiện giám sát, tiếp nhận các ý kiến phản ánh của quần chúng Nhân dân, phát hiện những trường hợp lợi dụng chính sách để các cơ quan chức năng có trách nhiệm giải quyết, bảo đảm các chế độ quà tặng được đến tay đối tượng đầy đủ, kịp thời.

9. Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố

Chủ động cung cấp danh sách nữ cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đến các quận, huyện, thị xã để thực hiện tặng quà theo quy định.

Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, các đoàn thể Thành phố và yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã triển khai thực hiện Kế hoạch; báo cáo kết quả thực hiện thăm tặng quà tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 16/01/2023 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố. Trong quá trình tổ chức thực hiện, có vướng mắc đề nghị kịp thời phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố. /

Nơi nhận:

- Bộ LĐTB&XH;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VPUB: CVP, PCVP P.T.T.Huyện, Phòng KGVX, TH;
- Lưu: VT, KGVXNgọc.

66855 - 6

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Chữ Xuân Dũng

Kinh phí tặng quà của Thành phố tới các đối tượng nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023
(Kèm theo Kế hoạch số 329 /KH-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Loại đối tượng	Tổng số		Đồng Đa		Ba Đình		Hai Bà Trưng		Hoàn Kiếm	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Tổng cộng	1.082.204	554.119.400	85.692	37.138.400	56.739	24.336.600	64.433	28.390.500	35.213	14.910.700
I	Kinh phí tặng quà tới các đối tượng Người có công	130.033	204.589.000	5.537	9.126.000	3.525	5.710.000	4.967	8.228.000	2.788	4.402.000
1	Mức 2.000.000 đồng	74.556	149.112.000	3.589	7.178.000	2.185	4.370.000	3.261	6.522.000	1.614	3.228.000
	Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	213	426.000	30	60.000	19	38.000	12	24.000	5	10.000
	Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh tổn thương cơ thể từ 21% trở lên; bệnh binh tổn thương cơ thể từ 41% trở lên	38.449	76.898.000	1.888	3.776.000	1.168	2.336.000	1.600	3.200.000	902	1.804.000
	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành Cách mạng)	217	434.000	51	102.000	34	68.000	35	70.000	16	32.000
	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận)	415	830.000	26	52.000	1	2.000	16	32.000	27	54.000
	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng tám năm 1945 (tiền khởi nghĩa)	522	1.044.000	135	270.000	79	158.000	70	140.000	62	124.000
	Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng	138	276.000	4	8.000	7	14.000	8	16.000	4	8.000
	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	10.246	20.492.000	375	750.000	171	342.000	390	780.000	110	220.000
	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	1.404	2.808.000	75	150.000	41	82.000	80	160.000	63	126.000
	Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi)	22.874	45.748.000	1.005	2.010.000	665	1.330.000	1.050	2.100.000	425	850.000
	Tặng quà cho thương binh, bệnh binh của thành phố Hà Nội đang được nuôi dưỡng tại 7 trung tâm thuộc các tỉnh liền kề	78	156.000	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Tổng số		Đồng Đa		Ba Đình		Hai Bà Trưng		Hoàn Kiếm	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
3	Mức 1.000.000 đồng	55.477	55.477.000	1.948	1.948.000	1.340	1.340.000	1.706	1.706.000	1.174	1.174.000
	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	5.128	5.128.000	100	100.000	71	71.000	201	201.000	36	36.000
	Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà)	48.952	48.952.000	1.750	1.750.000	1.195	1.195.000	1.420	1.420.000	1.100	1.100.000
	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	1.067	1.067.000	65	65.000	55	55.000	50	50.000	33	33.000
	Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	207	207.000	29	29.000	16	16.000	30	30.000	3	3.000
	Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	117	117.000	4	4.000	3	3.000	5	5.000	2	2.000
	Tặng quà con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học của thành phố Hà Nội huyện đang được nuôi dưỡng tại 7 trung tâm thuộc các tỉnh liền kề	6	6.000		-		-		-		-
II	Kinh phí tặng quà người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (300.000 đồng)	580.691	174.207.300	67.134	20.140.200	44.615	13.384.500	51.604	15.481.200	28.771	8.631.300
	Cán bộ nghỉ hưu	531.839	159.551.700	62.959	18.887.700	41.898	12.569.400	47.823	14.346.900	26.464	7.939.200
	Cán bộ nghỉ mất sức	48.852	14.655.600	4.175	1.252.500	2.717	815.100	3.781	1.134.300	2.307	692.100
III	Kinh phí tặng quà tới hộ nghèo, cận nghèo, Bảo trợ xã hội	223.029	67.516.100	3.750	1.125.000	2.741	822.300	2.606	781.800	2.118	635.400
	Tặng quà tới hộ nghèo (500.000 đồng)	3.037	1.518.500		-		-		-		-
	Tặng quà tới hộ cận nghèo (300.000 đồng)	25.633	7.689.900	197	59.100	7	2.100		-	69	20.700
	Tặng quà tới đối tượng BTXH (300.000 đồng)	194.359	58.307.700	3.553	1.065.900	2.734	820.200	2.606	781.800	2.049	614.700
IV	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ tới người cao tuổi	130.978	97.222.000	9.254	6.690.200	5.834	4.285.800	5.240	3.848.500	1.520	1.186.000
I	Ngân sách Thành phố	10.237	10.755.700	436	446.000	408	429.500	160	192.500	251	263.500
	Người tròn 100 tuổi	1.056	1.584.000	20	30.000	43	64.500	65	97.500	25	37.500
	Người trên 100 tuổi (thuộc Sơ LĐTBXH)	3	3.600		-		-		-		-
	Người tròn 90 tuổi	9.141	9.141.000	416	416.000	365	365.000	95	95.000	226	226.000
	Người tròn 95 tuổi (thuộc Sơ LĐTBXH)	4	4.000		-		-		-		-

STT	Loại đối tượng	Tổng số		Đông Đa		Ba Đình		Hai Bà Trưng		Hoàn Kiếm	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Người cao tuổi 70,75,80,85 (thuộc Sở LĐTBXH)	33	23.100		-		-		-		-
2	<i>Ngân sách Quận, huyện, thị xã</i>	120.741	86.466.300	8.818	6.244.200	5.426	3.856.300	5.080	3.656.000	1.269	922.500
	Người trên 100 tuổi	1.812	2.174.400	46	55.200	31	37.200	50	60.000	30	36.000
	Người tròn 95 tuổi	3.472	3.472.000	162	162.000	142	142.000	250	250.000	64	64.000
	Người cao tuổi 70,75,80,85	115.457	80.819.900	8.610	6.027.000	5.253	3.677.100	4.780	3.346.000	1.175	822.500
V	Thăm tặng quà các tổ chức tiêu biểu (Phụ lục 1.1)	87	917.000	2	17.000	9	94.000	1	11.000	2	17.000
	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dưỡng ...thuộc Bộ công an, các tỉnh liền kề	9	109.000	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị do đoàn Lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	5	80.000	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh sử dụng 30% tổng số lao động trở lên là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh; các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cai nghiện ma túy.. thuộc Sở; các ban quản lý nghĩa trang	30	315.000	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu, các hội người khuyết tật ...	43	413.000	2	17.000	9	94.000	1	11.000	2	17.000
VI	Kinh phí tặng quà gia đình người có công tiêu biểu	60	360.000	2	12.000	2	12.000	2	12.000	2	12.000
VII	Kinh phí tặng quà các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	90	540.000	3	18.000	3	18.000	3	18.000	3	18.000
VIII	Kinh phí tặng quà người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (theo đề xuất của Liên đoàn LĐ TP Hà Nội)	10.000	5.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
XIX	Kinh phí tặng quà cho nữ Cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng) theo đề xuất của Hội cựu thanh niên xung phong TP Hà Nội	300	300.000	10	10.000	10	10.000	10	10.000	9	9.000
XX	Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	2.276	1.138.000	-	-	-	-	-	-	-	-
XXI	Kinh phí bổ sung tiền ăn cho đối tượng đần độn được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	4.660	2.330.000	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Bắc Từ Liêm		Nam Từ Liêm		Thanh Trì		Gia Lâm		Đông Anh	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Tổng cộng	28.840	13.344.300	20.533	9.709.800	29.951	14.115.900	32.520	17.576.800	45.415	24.496.900
I	Kinh phí tặng quà tới các đối tượng Người có công	2.461	4.000.000	1.844	2.962.000	2.859	4.372.000	4.733	7.260.000	6.566	10.101.000
1	Mức 2.000.000 đồng	1.539	3.078.000	1.118	2.236.000	1.513	3.026.000	2.527	5.054.000	3.535	7.070.000
	Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	2	4.000	2	4.000	1	2.000	3	6.000	11	22.000
	Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh tổn thương cơ thể từ 21% trở lên; bệnh binh tổn thương cơ thể từ 41% trở lên	881	1.762.000	670	1.340.000	819	1.638.000	1.235	2.470.000	1.668	3.336.000
	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành Cách mạng)	-	-	1	2.000	-	-	2	4.000	1	2.000
	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận)	-	-	6	12.000	11	22.000	12	24.000	34	68.000
	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng tám năm 1945 (tiền khởi nghĩa)	-	-	2	4.000	-	-	4	8.000	3	6.000
	Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng	-	-	7	14.000	4	8.000	6	12.000	12	24.000
	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	211	422.000	135	270.000	172	344.000	230	460.000	315	630.000
	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	-	-	10	20.000	27	54.000	77	154.000	106	212.000
	Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi)	445	890.000	285	570.000	479	958.000	958	1.916.000	1.385	2.770.000
	Tặng quà cho thương binh, bệnh binh của thành phố Hà Nội đang được nuôi dưỡng tại 7 trung tâm thuộc các tỉnh liền kề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Bắc Từ Liêm		Nam Từ Liêm		Thanh Trì		Gia Lâm		Đông Anh	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
3	Mức 1.000.000 đồng	922	922.000	726	726.000	1.346	1.346.000	2.206	2.206.000	3.031	3.031.000
	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng		-	48	48.000	73	73.000	123	123.000	168	168.000
	Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà)	922	922.000	655	655.000	1.240	1.240.000	2.055	2.055.000	2.830	2.830.000
	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng		-	13	13.000	30	30.000	26	26.000	21	21.000
	Cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng		-	4	4.000	2	2.000	1	1.000	8	8.000
	Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ -TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng		-	6	6.000	1	1.000	1	1.000	4	4.000
	Tặng quà con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học của thành phố Hà Nội hiện đang được nuôi dưỡng tại 7 trung tâm thuộc các tỉnh liền kề		-		-		-		-		-
II	Kinh phí tặng quà người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (300.000 đồng)	19.881	5.964.300	13.757	4.127.100	17.505	5.251.500	16.598	4.979.400	21.647	6.494.100
	Cán bộ nghỉ hưu	18.369	5.510.700	12.779	3.833.700	15.799	4.739.700	14.412	4.323.600	18.963	5.688.900
	Cán bộ nghỉ mất sức	1.512	453.600	978	293.400	1.706	511.800	2.186	655.800	2.684	805.200
III	Kinh phí tặng quà tới hộ nghèo, cận nghèo, Bảo trợ xã hội	3.225	967.500	2.351	705.300	6.073	1.823.900	6.788	2.036.400	11.084	3.325.200
	Tặng quà tới hộ nghèo (500.000 đồng)		-		-	10	5.000		-		-
	Tặng quà tới hộ cận nghèo (300.000 đồng)	256	76.800	239	71.700	688	206.400	269	80.700	1.062	318.600
	Tặng quà tới đối tượng BTXH (300.000 đồng)	2.969	890.700	2.112	633.600	5.375	1.612.500	6.519	1.955.700	10.022	3.006.600
IV	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ tới người cao tuổi	3.260	2.374.500	2.567	1.871.400	3.495	2.584.500	4.386	3.251.000	6.099	4.517.600
1	Ngân sách Thành phố	165	172.500	125	130.000	285	297.500	355	370.500	516	536.500
	Người tròn 100 tuổi	15	22.500	10	15.000	25	37.500	31	46.500	41	61.500
	Người trên 100 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)										
	Người tròn 90 tuổi	150	150.000	115	115.000	260	260.000	324	324.000	475	475.000
	Người tròn 95 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)		-		-		-		-		-

STT	Loại đối tượng	Bắc Từ Liêm		Nam Từ Liêm		Thanh Trì		Gia Lâm		Đông Anh	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Người cao tuổi 70,75,80,85 (thuộc Sở LĐTBXH)		-		-		-		-		-
2	Ngân sách Quận, huyện, thị xã	3.095	2.202.000	2.442	1.741.400	3.210	2.287.000	4.031	2.880.500	5.583	3.981.100
	Người trên 100 tuổi	35	42.000	25	30.000	35	42.000	54	64.800	65	78.000
	Người tròn 95 tuổi	60	60.000	65	65.000	75	75.000	106	106.000	135	135.000
	Người cao tuổi 70,75,80,85	3.000	2.100.000	2.352	1.646.400	3.100	2.170.000	3.871	2.709.700	5.383	3.768.100
V	Thăm tặng quà các tổ chức tiêu biểu (Phụ lục 1.1)	-	-	1	6.000	4	44.000	1	11.000	2	17.000
	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dưỡng ...thuộc Bộ công an, các tỉnh liền kề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị do đoàn Lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh sử dụng 30% tổng số lao động trở lên là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh; các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cai nghiện ma túy.. thuộc Sở; các ban quản lý nghĩa trang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu, các hội người khuyết tật ...			1	6.000	4	44.000	1	11.000	2	17.000
VI	Kinh phí tặng quà gia đình người có công tiêu biểu	2	12.000	2	12.000	2	12.000	2	12.000	2	12.000
VII	Kinh phí tặng quà các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	3	18.000	3	18.000	3	18.000	3	18.000	3	18.000
VIII	Kinh phí tặng quà người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (theo đề xuất của Liên đoàn LD TP Hà Nội)		-		-		-		-		-
XIX	Kinh phí tặng quà cho nữ Cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng) theo đề xuất của Hội cựu thanh niên xung phong TP Hà Nội	8	8.000	8	8.000	10	10.000	9	9.000	12	12.000
XX	Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XXI	Kinh phí bổ sung tiền ăn cho đối tượng đần độn được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Sóc Sơn		Tây Hồ		Thanh Xuân		Cầu Giấy		Hoàng Mai	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Tổng cộng	34.723	20.093.600	25.673	11.470.100	47.901	20.440.600	40.113	17.945.800	53.453	24.767.000
I	Kinh phí tặng quà tới các đối tượng Người có công	5.681	9.020.000	2.016	3.150.000	3.041	5.405.000	2.905	4.946.000	4.337	7.069.000
1	Mức 2.000.000 đồng	3.339	6.678.000	1.134	2.268.000	2.364	4.728.000	2.041	4.082.000	2.732	5.464.000
	Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	3	6.000	8	16.000	30	60.000	18	36.000	10	20.000
	Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh tổn thương cơ thể từ 21% trở lên; bệnh binh tổn thương cơ thể từ 41% trở lên	1.555	3.110.000	690	1.380.000	1.360	2.720.000	1.200	2.400.000	1.526	3.052.000
	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành Cách mạng)	3	6.000	5	10.000	22	44.000	10	20.000	12	24.000
	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận)	17	34.000	1	2.000	18	36.000	12	24.000	6	12.000
	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng tám năm 1945 (tiền khởi nghĩa)	1	2.000	20	40.000	50	100.000	30	60.000	26	52.000
	Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng	8	16.000		-	1	2.000	1	2.000	3	6.000
	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	520	1.040.000	60	120.000	263	526.000	280	560.000	241	482.000
	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	80	160.000	40	80.000	60	120.000	40	80.000	82	164.000
	Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi)	1.152	2.304.000	310	620.000	560	1.120.000	450	900.000	826	1.652.000
	Tặng quà cho thương binh, bệnh binh của thành phố Hà Nội đang được nuôi dưỡng tại 7 trung tâm thuộc các tỉnh liền kề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Sóc Sơn		Tây Hồ		Thanh Xuân		Cầu Giấy		Hoàng Mai	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
3	Mức 1.000.000 đồng	2.342	2.342.000	882	882.000	677	677.000	864	864.000	1.605	1.605.000
	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	326	326.000	35	35.000	80	80.000	35	35.000	90	90.000
	Dại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà)	1.945	1.945.000	800	800.000	485	485.000	770	770.000	1.466	1.466.000
	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	61	61.000	40	40.000	77	77.000	50	50.000	33	33.000
	Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	5	5.000	6	6.000	20	20.000	6	6.000	9	9.000
	Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	5	5.000	1	1.000	15	15.000	3	3.000	7	7.000
	Tặng quà con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học của thành phố Hà Nội huận đang được nuôi dưỡng tại 7 trung tâm thuộc các tỉnh liền kề		-		-		-		-		-
II	Kinh phí tặng quà người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (300.000 đồng)	11.123	3.336.900	19.227	5.768.100	39.540	11.862.000	31.440	9.432.000	38.103	11.430.900
	Cán bộ nghỉ hưu	10.121	3.036.300	17.708	5.312.400	37.721	11.316.300	30.236	9.070.800	35.318	10.595.400
	Cán bộ nghỉ mất sức	1.002	300.600	1.519	455.700	1.819	545.700	1.204	361.200	2.785	835.500
III	Kinh phí tặng quà tới hộ nghèo, cận nghèo, Bảo trợ xã hội	12.978	3.973.400	1.690	507.000	1.687	506.100	1.561	468.300	4.237	1.283.100
	Tặng quà tới hộ nghèo (500.000 đồng)	400	200.000		-		-		-	60	30.000
	Tặng quà tới hộ cận nghèo (300.000 đồng)	1.465	439.500	7	2.100	27	8.100		-	143	42.900
	Tặng quà tới đối tượng BTXH (300.000 đồng)	11.113	3.333.900	1.683	504.900	1.660	498.000	1.561	468.300	4.034	1.210.200
IV	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ tới người cao tuổi	4.923	3.715.300	2.726	1.996.000	3.620	2.629.500	4.189	3.036.500	6.757	4.885.000
1	Ngân sách Thành phố	481	509.000	196	204.500	175	187.500	204	211.000	322	333.000
	Người tròn 100 tuổi	56	84.000	17	25.500	25	37.500	14	21.000	22	33.000
	Người trên 100 tuổi (thuộc Sở LDTBXH)										
	Người tròn 90 tuổi	425	425.000	179	179.000	150	150.000	190	190.000	300	300.000
	Người tròn 95 tuổi (thuộc Sở LDTBXH)		-		-		-		-		-

STT	Loại đối tượng	Sóc Sơn		Tây Hồ		Thanh Xuân		Cầu Giấy		Hoàng Mai	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Người cao tuổi 70,75,80,85 (thuộc Sở LĐTBXH)		-		-		-		-		-
2	Ngân sách Quận, huyện, thị xã	4.442	3.206.300	2.530	1.791.500	3.445	2.442.000	3.985	2.825.500	6.435	4.552.000
	Người trên 100 tuổi	111	133.200	11	13.200	25	30.000	18	21.600	35	42.000
	Người tròn 95 tuổi	138	138.000	50	50.000	60	60.000	90	90.000	100	100.000
	Người cao tuổi 70,75,80,85	4.193	2.935.100	2.469	1.728.300	3.360	2.352.000	3.877	2.713.900	6.300	4.410.000
V	Thăm tặng quà các tổ chức tiêu biểu (Phụ lục 1.1)	1	6.000	1	11.000	-	-	4	24.000	6	61.000
	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dưỡng ...thuộc Bộ công an, các tỉnh liền kề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị do đoàn Lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh sử dụng 30% tổng số lao động trở lên là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh; các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cai nghiện ma túy.. thuộc Sở; các ban quản lý nghĩa trang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu, các hội người khuyết tật ...	1	6.000	1	11.000			4	24.000	6	61.000
VI	Kinh phí tặng quà gia đình người có công tiêu biểu	2	12.000	2	12.000	2	12.000	2	12.000	2	12.000
VII	Kinh phí tặng quà các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	3	18.000	3	18.000	3	18.000	3	18.000	3	18.000
VIII	Kinh phí tặng quà người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (theo đề xuất của Liên đoàn LĐ TP Hà Nội)		-		-		-		-		-
XIX	Kinh phí tặng quà cho nữ Cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng) theo đề xuất của Hội cựu thanh niên xung phong TP Hà Nội	12	12.000	8	8.000	8	8.000	9	9.000	8	8.000
XX	Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XXI	Kinh phí bổ sung tiền ăn cho đối tượng đản được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Long Biên		Sơn Tây		Ba Vì		Ứng Hòa		Quốc Oai	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Tổng cộng	44.899	20.393.600	22.892	12.016.700	38.444	23.400.200	30.450	18.062.000	22.294	14.254.300
I	Kinh phí tặng quà tới các đối tượng Người có công	3.653	5.948.000	3.027	4.826.000	7.300	11.155.000	5.493	8.107.000	3.974	6.715.000
1	Mức 2.000.000 đồng	2.295	4.590.000	1.799	3.598.000	3.855	7.710.000	2.614	5.228.000	2.741	5.482.000
	Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	4	8.000	6	12.000	11	22.000	4	8.000	7	14.000
	Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh tổn thương cơ thể từ 21% trở lên; bệnh binh tổn thương cơ thể từ 41% trở lên	1.187	2.374.000	915	1.830.000	1.945	3.890.000	1.401	2.802.000	1.170	2.340.000
	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành Cách mạng)	5	10.000		-		-	2	4.000	1	2.000
	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận)	6	12.000	6	12.000	3	6.000	14	28.000	18	36.000
	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng tám năm 1945 (tiền khởi nghĩa)	17	34.000	4	8.000		-		-	1	2.000
	Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng	3	6.000	1	2.000		-		-	6	12.000
	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	296	592.000	357	714.000	346	692.000	396	792.000	745	1.490.000
	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	44	88.000	20	40.000	145	290.000	35	70.000	23	46.000
	Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi)	733	1.466.000	490	980.000	1.405	2.810.000	762	1.524.000	770	1.540.000
	Tặng quà cho thương binh, bệnh binh của thành phố Hà Nội đang được nuôi dưỡng tại 7 trung tâm thuộc các tỉnh liền kề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Long Biên		Sơn Tây		Ba Vì		Ứng Hòa		Quốc Oai	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
3	Mức 1.000.000 đồng	1.358	1.358.000	1.228	1.228.000	3.445	3.445.000	2.879	2.879.000	1.233	1.233.000
	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	82	82.000	129	129.000	245	245.000	282	282.000	290	290.000
	Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà)	1.210	1.210.000	1.065	1.065.000	3.125	3.125.000	2.548	2.548.000	905	905.000
	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	52	52.000	31	31.000	65	65.000	40	40.000	21	21.000
	Cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	8	8.000	2	2.000	4	4.000	5	5.000	6	6.000
	Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	6	6.000	1	1.000	6	6.000	4	4.000	11	11.000
	Tặng quà con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học của thành phố Hà Nội hiện đang được nuôi dưỡng tại 7 trung tâm thuộc các tỉnh liền kề		-		-		-		-		-
II	Kinh phí tặng quà người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (300.000 đồng)	33.130	9.939.000	13.053	3.915.900	10.138	3.041.400	6.836	2.050.800	5.165	1.549.500
	Cán bộ nghỉ hưu	30.594	9.178.200	11.536	3.460.800	8.142	2.442.600	5.686	1.705.800	4.441	1.332.300
	Cán bộ nghỉ mất sức	2.536	760.800	1.517	455.100	1.996	598.800	1.150	345.000	724	217.200
III	Kinh phí tặng quà tới hộ nghèo, cận nghèo, Bảo trợ xã hội	3.435	1.030.500	4.082	1.232.600	14.906	4.567.800	12.674	3.802.200	8.631	2.605.300
	Tặng quà tới hộ nghèo (500.000 đồng)		-	40	20.000	480	240.000		-	80	40.000
	Tặng quà tới hộ cận nghèo (300.000 đồng)	194	58.200	538	161.400	2.791	837.300	1.865	559.500	1.119	335.700
	Tặng quà tới đối tượng BTXH (300.000 đồng)	3.241	972.300	3.504	1.051.200	11.635	3.490.500	10.809	3.242.700	7.432	2.229.600
IV	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ tới người cao tuổi	4.663	3.408.100	2.716	2.003.200	6.082	4.583.000	5.432	4.062.000	4.509	3.344.500
1	Ngân sách Thành phố	310	315.000	205	213.000	632	673.000	482	504.000	344	363.500
	Người tròn 100 tuổi	10	15.000	16	24.000	82	123.000	44	66.000	39	58.500
	Người trên 100 tuổi (thuộc Sở LĐT BXH)										
	Người tròn 90 tuổi	300	300.000	189	189.000	550	550.000	438	438.000	305	305.000
	Người tròn 95 tuổi (thuộc Sở LĐT BXH)		-		-		-		-		-

STT	Loại đối tượng	Long Biên		Sơn Tây		Ba Vì		Ứng Hòa		Quốc Oai	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Người cao tuổi 70,75,80,85 (thuộc Sở LĐTBXH)		-		-		-		-		-
2	Ngân sách Quận, huyện, thị xã	4.353	3.093.100	2.511	1.790.200	5.450	3.910.000	4.950	3.558.000	4.165	2.981.000
	Người trên 100 tuổi	35	42.000	32	38.400	100	120.000	90	108.000	65	78.000
	Người trên 95 tuổi	95	95.000	55	55.000	150	150.000	160	160.000	110	110.000
	Người cao tuổi 70,75,80,85	4.223	2.956.100	2.424	1.696.800	5.200	3.640.000	4.700	3.290.000	3.990	2.793.000
V	Thăm tặng quà các tổ chức tiêu biểu (Phụ lục 1.1)	3	28.000	-	-	1	11.000	-	-	-	-
	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dưỡng ...thuộc Bộ công an, các tỉnh liền kề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị do đoàn Lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh sử dụng 30% tổng số lao động trở lên là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh; các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cai nghiện ma túy.. thuộc Sở; các ban quản lý nghĩa trang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu, các hội người khuyết tật ...	3	28.000			1	11.000				
VI	Kinh phí tặng quà gia đình người có công tiêu biểu	2	12.000	2	12.000	2	12.000	2	12.000	2	12.000
VII	Kinh phí tặng quà các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	3	18.000	3	18.000	3	18.000	3	18.000	3	18.000
VIII	Kinh phí tặng quà người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (theo đề xuất của Liên đoàn LD TP Hà Nội)		-		-		-		-		-
XIX	Kinh phí tặng quà cho nữ Cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng) theo đề xuất của Hội cựu thanh niên xung phong TP Hà Nội	10	10.000	9	9.000	12	12.000	10	10.000	10	10.000
XX	Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XXI	Kinh phí bổ sung tiền ăn cho đối tượng đần độn được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Thanh Oai		Mỹ Đức		Thường Tín		Đan Phượng		Hoài Đức	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Tổng cộng	24.635	14.336.300	24.345	14.080.200	31.283	17.622.500	18.909	11.582.300	22.702	13.823.300
I	Kinh phí tặng quà tới các đối tượng Người có công	4.352	6.538.000	4.177	6.350.000	5.106	7.780.000	3.795	5.650.000	4.401	6.513.000
1	Mức 2.000.000 đồng	2.186	4.372.000	2.173	4.346.000	2.674	5.348.000	1.855	3.710.000	2.112	4.224.000
	Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến		-	2	4.000	3	6.000	1	2.000	3	6.000
	Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh tổn thương cơ thể từ 21% trở lên; bệnh binh tổn thương cơ thể từ 41% trở lên	1.120	2.240.000	1.245	2.490.000	1.440	2.880.000	961	1.922.000	1.065	2.130.000
	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành Cách mạng)		-		-		-	2	4.000	8	16.000
	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận)		-	5	10.000		-	7	14.000		-
	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng tám năm 1945 (tiền khởi nghĩa)		-		-	2	4.000		-		-
	Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng		-	2	4.000		-	5	10.000	3	6.000
	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	424	848.000	223	446.000	495	990.000	197	394.000	214	428.000
	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	30	60.000	25	50.000	25	50.000	45	90.000	29	58.000
	Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi)	612	1.224.000	671	1.342.000	709	1.418.000	637	1.274.000	790	1.580.000
	Tặng quà cho thương binh, bệnh binh của thành phố Hà Nội đang được nuôi dưỡng tại 7 trung tâm thuộc các tỉnh liền kề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Thanh Oai		Mỹ Đức		Thường Tín		Đan Phượng		Hoài Đức	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
3	Mức 1.000.000 đồng	2.166	2.166.000	2.004	2.004.000	2.432	2.432.000	1.940	1.940.000	2.289	2.289.000
	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	226	226.000	183	183.000	177	177.000	148	148.000	150	150.000
	Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà)	1.925	1.925.000	1.795	1.795.000	2.200	2.200.000	1.748	1.748.000	2.120	2.120.000
	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	10	10.000	25	25.000	37	37.000	37	37.000	18	18.000
	Cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	3	3.000	1	1.000	15	15.000	4	4.000	1	1.000
	Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	2	2.000	-	-	3	3.000	3	3.000	-	-
	Tặng quà con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học của thành phố Hà Nội hiện đang được nuôi dưỡng tại 7 trung tâm thuộc các tỉnh liền kề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Kinh phí tặng quà người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (300.000 đồng)	5.061	1.518.300	4.766	1.429.800	7.928	2.378.400	4.881	1.464.300	6.377	1.913.100
	Cán bộ nghỉ hưu	4.372	1.311.600	3.966	1.189.800	6.938	2.081.400	4.128	1.238.400	5.661	1.698.300
	Cán bộ nghỉ mất sức	689	206.700	800	240.000	990	297.000	753	225.900	716	214.800
III	Kinh phí tặng quà tới hộ nghèo, cận nghèo, Bảo trợ xã hội	11.665	3.559.500	12.013	3.658.500	14.047	4.280.100	7.170	2.151.000	7.862	2.358.600
	Tặng quà tới hộ nghèo (500.000 đồng)	300	150.000	273	136.500	330	165.000	-	-	-	-
	Tặng quà tới hộ cận nghèo (300.000 đồng)	1.156	346.800	1.650	495.000	1.310	393.000	1.028	308.400	921	276.300
	Tặng quà tới đối tượng BTXH (300.000 đồng)	10.209	3.062.700	10.090	3.027.000	12.407	3.722.100	6.142	1.842.600	6.941	2.082.300
IV	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ tới người cao tuổi	3.544	2.682.500	3.372	2.599.900	4.187	3.144.000	3.048	2.277.000	4.045	2.996.600
1	Ngân sách Thành phố	356	373.500	424	449.000	367	383.000	267	280.000	320	337.500
	Người tròn 100 tuổi	35	52.500	50	75.000	32	48.000	26	39.000	35	52.500
	Người trên 100 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Người tròn 90 tuổi	321	321.000	374	374.000	335	335.000	241	241.000	285	285.000
	Người tròn 95 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Thanh Oai		Mỹ Đức		Thường Tín		Đan Phượng		Hoài Đức	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Người cao tuổi 70,75,80,85 (thuộc Sở LĐTBXH)		-		-		-		-		-
2	Ngân sách Quận, huyện, thị xã	3.188	2.309.000	2.948	2.150.900	3.820	2.761.000	2.781	1.997.000	3.725	2.659.100
	Người trên 100 tuổi	81	97.200	102	122.400	99	118.800	52	62.400	48	57.600
	Người tròn 95 tuổi	123	123.000	121	121.000	125	125.000	81	81.000	92	92.000
	Người cao tuổi 70,75,80,85	2.984	2.088.800	2.725	1.907.500	3.596	2.517.200	2.648	1.853.600	3.585	2.509.500
V	Thăm tặng quà các tổ chức tiêu biểu (Phụ lục 1.1)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dưỡng ... thuộc Bộ công an, các tỉnh liền kề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị do đoàn Lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh sử dụng 30% tổng số lao động trở lên là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh; các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cai nghiện ma túy.. thuộc Sở; các ban quản lý nghĩa trang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu, các hội người khuyết tật ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
VI	Kinh phí tặng quà gia đình người có công tiêu biểu	2	12.000	2	12.000	2	12.000	2	12.000	2	12.000
VII	Kinh phí tặng quà các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	3	18.000	3	18.000	3	18.000	3	18.000	3	18.000
VIII	Kinh phí tặng quà người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (theo đề xuất của Liên đoàn LD TP Hà Nội)		-		-		-		-		-
XIX	Kinh phí tặng quà cho nữ Cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (có đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng) theo đề xuất của Hội cựu thanh niên xung phong TP Hà Nội	8	8.000	12	12.000	10	10.000	10	10.000	12	12.000
XX	Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XXI	Kinh phí bổ sung tiền ăn cho đối tượng đản được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Hà Đông		Chương Mỹ		Phú Xuyên		Phúc Thọ		Thạch Thất	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Tổng cộng	43.953	21.592.600	35.833	20.507.700	31.276	18.422.200	24.452	15.284.000	24.358	15.742.100
I	Kinh phí tặng quà tới các đối tượng Người có công	4.682	7.687.000	5.584	8.544.000	5.885	8.885.000	5.139	7.789.000	5.102	8.280.000
1	Mức 2.000.000 đồng	3.005	6.010.000	2.960	5.920.000	3.000	6.000.000	2.650	5.300.000	3.178	6.356.000
	Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	7	14.000	1	2.000	1	2.000	5	10.000	1	2.000
	Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh tổn thương cơ thể từ 21% trở lên; bệnh binh tổn thương cơ thể từ 41% trở lên	1.650	3.300.000	1.478	2.956.000	1.590	3.180.000	1.285	2.570.000	1.425	2.850.000
	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành Cách mạng)	4	8.000	1	2.000	-	-	-	-	-	-
	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận)	103	206.000	21	42.000	-	-	21	42.000	8	16.000
	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng tám năm 1945 (tiền khởi nghĩa)	10	20.000	-	-	-	-	1	2.000	-	-
	Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng	4	8.000	16	32.000	9	18.000	8	16.000	6	12.000
	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	520	1.040.000	498	996.000	400	800.000	329	658.000	1.067	2.134.000
	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	37	74.000	27	54.000	30	60.000	20	40.000	10	20.000
	Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi)	670	1.340.000	918	1.836.000	970	1.940.000	981	1.962.000	661	1.322.000
	Tặng quà cho thương binh, bệnh binh của thành phố Hà Nội đang được nuôi dưỡng tại 7 trung tâm thuộc các tỉnh liền kề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Hà Đông		Chương Mỹ		Phú Xuyên		Phúc Thọ		Thạch Thất	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
3	Mức 1.000.000 đồng	1.677	1.677.000	2.624	2.624.000	2.885	2.885.000	2.489	2.489.000	1.924	1.924.000
	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	201	201.000	279	279.000	302	302.000	230	230.000	407	407.000
	Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà)	1.420	1.420.000	2.302	2.302.000	2.550	2.550.000	2.232	2.232.000	1.491	1.491.000
	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	38	38.000	42	42.000	31	31.000	20	20.000	22	22.000
	Cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	10	10.000	1	1.000	1	1.000	4	4.000	2	2.000
	Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	8	8.000		-	1	1.000	3	3.000	2	2.000
	Tặng quà con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học của thành phố Hà Nội huện đang được nuôi dưỡng tại 7 trung tâm thuộc các tỉnh liền kề		-		-		-		-		-
II	Kinh phí tặng quà người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (300.000 đồng)	30.373	9.111.900	9.907	2.972.100	6.638	1.991.400	5.577	1.673.100	5.569	1.670.700
	Cán bộ nghỉ hưu	28.590	8.577.000	8.444	2.533.200	5.831	1.749.300	4.610	1.383.000	4.576	1.372.800
	Cán bộ nghỉ mất sức	1.783	534.900	1.463	438.900	807	242.100	967	290.100	993	297.900
III	Kinh phí tặng quà tới hộ nghèo, cận nghèo, Bảo trợ xã hội	4.189	1.256.700	14.236	4.330.800	14.699	4.449.900	10.235	3.154.900	10.173	3.071.900
	Tặng quà tới hộ nghèo (500.000 đồng)		-	300	150.000	201	100.500	422	211.000	100	50.000
	Tặng quà tới hộ cận nghèo (300.000 đồng)	205	61.500	1.719	515.700	2.032	609.600	1.775	532.500	1.743	522.900
	Tặng quà tới đối tượng BTXH (300.000 đồng)	3.984	1.195.200	12.217	3.665.100	12.466	3.739.800	8.038	2.411.400	8.330	2.499.000
IV	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ tới người cao tuổi	4.690	3.453.000	6.088	4.607.800	4.037	3.053.900	3.484	2.625.000	3.499	2.679.500
I	Ngân sách Thành phố	330	345.000	494	521.500	429	449.000	347	365.500	364	394.000
	Người tròn 100 tuổi	30	45.000	55	82.500	40	60.000	37	55.500	60	90.000
	Người trên 100 tuổi (thuộc Sở LDTBXH)										
	Người tròn 90 tuổi	300	300.000	439	439.000	389	389.000	310	310.000	304	304.000
	Người tròn 95 tuổi (thuộc Sở LDTBXH)		-		-		-		-		-

STT	Loại đối tượng	Hà Đông		Chương Mỹ		Phú Xuyên		Phúc Thọ		Thạch Thất	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Người cao tuổi 70,75,80,85 (thuộc Sở LĐTBXH)		-		-		-		-		-
2	Ngân sách Quận, huyện, thị xã	4.360	3.108.000	5.594	4.086.300	3.608	2.604.900	3.137	2.259.500	3.135	2.285.500
	Người trên 100 tuổi	40	48.000	185	222.000	77	92.400	60	72.000	110	132.000
	Người trên 95 tuổi	120	120.000	260	260.000	136	136.000	112	112.000	120	120.000
	Người cao tuổi 70,75,80,85	4.200	2.940.000	5.149	3.604.300	3.395	2.376.500	2.965	2.075.500	2.905	2.033.500
V	Thăm tặng quà các tổ chức tiêu biểu (Phụ lục I.1)	4	44.000	1	11.000	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dưỡng ...thuộc Bộ công an, các tỉnh liền kề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị do đoàn Lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh sử dụng 30% tổng số lao động trở lên là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh; các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cai nghiện ma túy.. thuộc Sở; các ban quản lý nghĩa trang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu, các hội người khuyết tật ...	4	44.000	1	11.000	-	-	-	-	-	-
VI	Kinh phí tặng quà gia đình người có công tiêu biểu	2	12.000	2	12.000	2	12.000	2	12.000	2	12.000
VII	Kinh phí tặng quà các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	3	18.000	3	18.000	3	18.000	3	18.000	3	18.000
VIII	Kinh phí tặng quà người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (theo đề xuất của Liên đoàn LD TP Hà Nội)		-		-		-		-		-
XIX	Kinh phí tặng quà cho nữ Cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng) theo đề xuất của Hội cựu thanh niên xung phong TP Hà Nội	10	10.000	12	12.000	12	12.000	12	12.000	10	10.000
XX	Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XXI	Kinh phí bổ sung tiền ăn cho đối tượng đản được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Mê Linh		Sở LDTBXH		Liên đoàn Lao động Thành phố Hà Nội		Sở Y tế	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (500đ)
	Tổng cộng	22.987	14.844.200	7.053	4.298.200	10.000	5.000.000	240	120.000
I	Kinh phí tặng quà tới các đối tượng Người có công	4.835	7.661.000	268	410.000	-	-	-	-
1	Mức 2.000.000 đồng	2.826	5.652.000	142	284.000	-	-	-	-
	Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	3	6.000		-	-	-	-	-
	Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh tổn thương cơ thể từ 21% trở lên; bệnh binh tổn thương cơ thể từ 41% trở lên	1.402	2.804.000	8	16.000	-	-	-	-
	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành Cách mạng)	2	4.000		-	-	-	-	-
	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận)	16	32.000		-	-	-	-	-
	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng tám năm 1945 (tiền khởi nghĩa)	5	10.000		-	-	-	-	-
	Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng	10	20.000		-	-	-	-	-
	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	266	532.000		-	-	-	-	-
	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	78	156.000		-	-	-	-	-
	Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi)	1.044	2.088.000	56	112.000	-	-	-	-
	Tặng quà cho thương binh, bệnh binh của thành phố Hà Nội đang được nuôi dưỡng tại 7 trung tâm thuộc các tỉnh liền kề	-	-	78	156.000	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Mê Linh		Sở LDTBXH		Liên đoàn Lao động Thành phố Hà Nội		Sở Y tế	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (500đ)
3	Mức 1.000.000 đồng	2.009	2.009.000	126	126.000	-	-	-	-
	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	291	291.000	120	120.000	-	-	-	-
	Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà)	1.683	1.683.000		-	-	-	-	-
	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	24	24.000	-	-	-	-	-	-
	Cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	1	1.000	-	-	-	-	-	-
	Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chí-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	10	10.000	-	-	-	-	-	-
	Tặng quà con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học của thành phố Hà Nội hiện đang được nuôi dưỡng tại 7 trung tâm thuộc các tỉnh liền kề		-	6	6.000	-	-	-	-
II	Kinh phí tặng quà người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (300.000 đồng)	4.347	1.304.100	-	-	-	-	-	-
	Cán bộ nghỉ hưu	3.754	1.126.200	-	-	-	-	-	-
	Cán bộ nghỉ mất sức	593	177.900	-	-	-	-	-	-
III	Kinh phí tặng quà tới hộ nghèo, cận nghèo, Bảo trợ xã hội	10.123	3.045.100						
	Tặng quà tới hộ nghèo (500.000 đồng)	41	20.500	-	-	-	-	-	-
	Tặng quà tới hộ cận nghèo (300.000 đồng)	1.158	347.400						
	Tặng quà tới đối tượng BTXH (300.000 đồng)	8.924	2.677.200						
IV	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ tới người cao tuổi	3.667	2.794.000	45	36.200	-	-	-	-
1	Ngân sách Thành phố	442	469.500	45	36.200	-	-	-	-
	Người tròn 100 tuổi	55	82.500	1	1.500	-	-	-	-
	Người trên 100 tuổi (thuộc Sở LDTBXH)			3	3.600				
	Người tròn 90 tuổi	387	387.000	4	4.000	-	-	-	-
	Người tròn 95 tuổi (thuộc Sở LDTBXH)		-	4	4.000	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Mê Linh		Sở LĐTBXH		Liên đoàn Lao động Thành phố Hà Nội		Sở Y tế	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (500đ)
	Người cao tuổi 70,75,80,85 (thuộc Sở LĐTBXH)		-	33	23.100	-	-	-	-
2	Ngân sách Quận, huyện, thị xã	3.225	2.324.500	-	-	-	-	-	-
	Người trên 100 tuổi	65	78.000	-	-	-	-	-	-
	Người tròn 95 tuổi	115	115.000	-	-	-	-	-	-
	Người cao tuổi 70,75,80,85	3.045	2.131.500	-	-	-	-	-	-
V	Thăm tặng quà các tổ chức tiêu biểu (Phụ lục I.1)	-	-	44	504.000	-	-	-	-
	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dục ... thuộc Bộ công an, các tỉnh liền kề	-	-	9	109.000	-	-	-	-
	Các đơn vị do đoàn Lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	-	-	5	80.000	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh sử dụng 30% tổng số lao động trở lên là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh; các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cai nghiện ma túy.. thuộc Sở; các ban quản lý nghĩa trang	-	-	30	315.000	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu, các hội người khuyết tật ...	-	-	-	-	-	-	-	-
VI	Kinh phí tặng quà gia đình người có công tiêu biểu	2	12.000	-	-	-	-	-	-
VII	Kinh phí tặng quà các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	3	18.000	-	-	-	-	-	-
VIII	Kinh phí tặng quà người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (theo đề xuất của Liên đoàn LD TP Hà Nội)		-	-	-	10.000	5.000.000	-	-
XIX	Kinh phí tặng quà cho nữ Cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng) theo đề xuất của Hội cựu thanh niên xung phong TP Hà Nội	10	10.000	-	-	-	-	-	-
XX	Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	2.112	1.056.000	-	-	164	82.000
XXI	Kinh phí bổ sung tiền ăn cho đối tượng đản được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	4.584	2.292.000	-	-	76	38.000

DANH SÁCH THĂM TẶNG CÁC TỔ CHỨC NHÂN DỊP TẾT QUÝ MÃO NĂM 2023*(Kèm theo Kế hoạch số 329 /KH-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

STT	Danh sách đơn vị	Địa chỉ	Mức chi /01 đơn vị	Ghi chú
	Tổng cộng (A+B)		917.000	
A	Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội		504.000	
I	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dỡng ...thuộc Bộ công an, các tỉnh liền kề		109.000	
1	Trường giáo dỡng Bộ Công an- Ninh Bình		16.000	
2	UBND Huyện Thanh Thủy - Phú Thọ		16.000	
3	Các đơn vị nuôi dưỡng thương binh thuộc các tỉnh liền kề		77.000	
3.1	Trung tâm điều dỡng người có công Thuận Thành	Ninh Xá - Thuận Thành - Bắc Ninh	11.000	
3.2	Trung tâm điều dỡng người có công Lạng Giang	Thái Đào - Lạng Giang - Bắc Giang	11.000	
3.3	Trung tâm điều dỡng người có công Nho Quan	Đồng Phong - Nho Quan - Ninh Bình	11.000	
3.4	Trung tâm điều dỡng người có công Duy Tiên	Yên Nham - Duy Tiên - Hà Nam	11.000	
3.5	Trung tâm điều dỡng người có công Phú Thọ	Hà Thạch - Phú Thọ - Phú Thọ	11.000	
3.6	Trung tâm điều dỡng thương binh Kim Bảng	Ba Sao - Kim Bảng - Hà Nam	11.000	
3.7	Trung tâm điều dỡng người có công Bắc Giang	Quế Nham - Tân Yên - Bắc Giang	11.000	
II	Các đơn vị do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng		80.000	
1	Khu điều dỡng cán bộ tại Đại Lải	Xã Ngọc Thanh- thị xã Phúc Yên- Vĩnh Phúc	16.000	
2	Câu lạc bộ Thăng Long	Số 2 Trần Bình Trọng- Hoàn Kiếm- Hà Nội	16.000	
3	Ban đại diện các chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù, đày thành phố Hà Nội	Hòa Lò - Hoàn Kiếm	16.000	
4	Trung tâm nuôi dưỡng và điều dỡng người có công số 2 Hà Nội	Viên An - Ứng Hòa	16.000	
5	Trung tâm Bảo trợ xã hội 2 Hà Nội	Viên An - Ứng Hòa	16.000	

STT	Danh sách đơn vị	Địa chỉ	Mức chi /01 đơn vị	Ghi chú
III	Các đơn vị sản xuất kinh doanh sử dụng 30% tổng số lao động trở lên là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh; các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cai nghiện ma túy.. thuộc Sở; các ban quản lý nghĩa trang		315.000	
1	Các đơn vị tiêu biểu và các Trung tâm nuôi dưỡng đối tượng chính sách		297.000	
1.1	Làng Hữu nghị Việt Nam	An Trai- Vân Canh- Hoài Đức- Hà Nội	11.000	
1.2	Bệnh viện 09 - Sở Y tế	Tân Triều - Thanh Trì	11.000	
1.3	Hội cựu thanh niên xung phong Thành phố	Cung Trí Thức- Trần Thái Tông- Cầu Giấy	11.000	
1.4	Hội nạn nhân chất độc da cam Thành phố	Cung Trí Thức- Trần Thái Tông- Cầu Giấy	11.000	
1.5	Ban phục vụ lễ tang Hà Nội	Phùng Hưng - Hoàn Kiếm	11.000	
1.6	Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công Hà Nội	Thanh Bình- Hà Đông	11.000	
1.7	Trung tâm điều dưỡng người có công số I	Thanh Thủy - Phú Thọ	11.000	
1.8	Trung tâm điều dưỡng người có công số II	Biên Giang - Hà Đông	11.000	
1.9	Trung tâm điều dưỡng người có công số III	Kim Sơn - Sơn Tây	11.000	
1.10	Trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng và điều trị nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/ dioxin thành phố Hà Nội	Thôn Muối- Yên Bài - Ba Vì	11.000	
1.11	Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em Hà Nội	Nguyễn Trãi - Hà Đông	11.000	
1.12	Trung tâm Bảo trợ xã hội 1 Hà Nội	Tây Đằng - Ba Vì	11.000	
1.13	Trung tâm Bảo trợ xã hội 3 Hà Nội	Tây Mỗ - Từ Liêm	11.000	
1.14	Trung tâm Chăm sóc người khuyết tật Hà Nội	Thụy An - Ba Vì	11.000	
1.15	Trung tâm Phục hồi chức năng Việt - Hàn	Đông Yên - Quốc Oai	11.000	
1.16	Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng người tâm thần số 1 Hà Nội	Thụy An - Ba Vì	11.000	
1.17	Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng người tâm thần số 2 Hà Nội	Phú Sơn - Ba Vì	11.000	

STT	Danh sách đơn vị	Địa chỉ	Mức chi /01 đơn vị	Ghi chú
1.18	Làng trẻ em Birla	Mai Dịch - Cầu Giấy	11.000	
1.19	Làng trẻ em SOS	Mai Dịch - Cầu Giấy	11.000	
1.20	Trung tâm nuôi dưỡng trẻ khuyết tật Hà Nội	Thị trấn Chúc Sơn - Chương Mỹ	11.000	
1.21	Cơ sở cai nghiện ma túy số 1	Yên Bài - Ba Vì	11.000	
1.22	Cơ sở cai nghiện ma túy số 2	Yên Bài - Ba Vì	11.000	
1.23	Cơ sở cai nghiện ma túy số 3	Tân Minh - Sóc Sơn	11.000	
1.24	Cơ sở cai nghiện ma túy số 4	Yên Bài - Ba Vì	11.000	
1.25	Cơ sở cai nghiện ma túy số 5	Xuân Phương - Từ Liêm	11.000	
1.26	Cơ sở cai nghiện ma túy số 6	Tân Minh - Sóc Sơn	11.000	
1.27	Cơ sở cai nghiện ma túy số 7	Phú Sơn - Ba Vì	11.000	
2	Các ban quản lý nghĩa trang		18.000	
2.1	Ban quản lý nghĩa trang liệt sỹ Nhỏ	Tây Tựu - Từ Liêm	6.000	
2.2	Ban quản lý nghĩa trang liệt sỹ Ngọc Hồi	Ngọc Hồi - Thanh Trì	6.000	
2.3	Ban quản lý nghĩa trang Mai Dịch	Mai Dịch - Cầu Giấy	6.000	
B	Các quận, huyện, thị xã (Các tổ chức sản xuất kinh doanh, các hội...)		413.000	
I	Quận Hoàn Kiếm		17.000	
1	Công ty cổ phần Công Minh Mỹ Việt thương binh 27-7	Số 58B Bà Triệu- Hoàn Kiếm	11.000	
2	Hội người mù thành phố Hà Nội	Số 22 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm	6.000	
II	Quận Ba Đình		94.000	
1	Hợp tác xã vận tải 27/7 Ba Đình	Hoàng Hoa Thám - Ba Đình	11.000	
2	Công ty cổ phần Cựu chiến binh Đại Dương	Trúc Bạch - Ba Đình	11.000	
3	Công ty cổ phần Quảng cáo Hà Thái	14 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình	11.000	
4	Công ty TNHH Quảng cáo Ngọc Hà	Lô C3, ngõ 33 Đốc Ngữ, Liễu Giai- Ba Đình	11.000	
5	Công ty Cổ phần Thành Luân	279 B Đội Cấn - Ngọc Hà - Ba Đình	11.000	

STT	Danh sách đơn vị	Địa chỉ	Mức chi /01 đơn vị	Ghi chú
6	Công ty TNHH Hà Thái	14 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình	11.000	
7	Hội doanh nghiệp của thương binh và người khuyết tật thành phố Hà Nội	Số 25, ngõ 279 Đội Cấn- Ba Đình	11.000	
8	Công ty TNHH Hòa Bình	Đội Cấn - Ba Đình	11.000	
9	Công ty TNHH phân phối TOP A	Nhà A7, ngách 367/14 đường Bưởi -Vĩnh Phúc - Ba Đình	6.000	
III	Quận Đống Đa		17.000	
1	Nhà nuôi dưỡng trẻ em Hữu nghị Đống Đa	Số 48, ngõ Thái Thịnh II, Thịnh Quang- Đống Đa	6.000	
2	Công ty cổ phần sản xuất và TM Cựu chiến binh	2/29 Xã Đàn - Đống Đa	11.000	
IV	Quận Hai Bà Trưng		11.000	
1	Xưởng sản xuất thương binh Hai Bà Trưng	342 Phố Huế - Hai Bà Trưng	11.000	
V	Quận Hà Đông		44.000	
1	Công ty TNHH Thương binh và người tàn tật 3-2	Số 10 Nguyễn Viết Xuân - Hà Đông	11.000	
2	Công ty TNHH dịch vụ thương mại vận tải Hà Cầu-Thăng Long	Khu C phường Hà Cầu - Hà Đông	11.000	
3	Công ty Cổ phần Vận chuyển bệnh nhân NCC 27/7	Số 31 ngõ 1 phố Văn La - Phú La - Hà Đông	11.000	
4	Doanh nghiệp tư nhân Hà Hải	18 Lê Trọng Tấn - La Khê	11.000	
VI	Quận Hoàng Mai		61.000	
1	Hợp tác xã thương binh 19/12	Tổ 28B Yên Sở - Hoàng Mai	11.000	
2	Công ty Cổ phần dịch vụ - thương mại xuất nhập khẩu Nam Á	Tổ 15 Yên Sở - Hoàng Mai	11.000	
3	Công ty TNHH thương mại Thịnh Sơn	Hoàng Văn Thụ - Hoàng Mai	11.000	
4	Công ty Cổ phần thương binh nặng Hà Nội	Biệt thự số 04 dãy A Lô TT3 Lung Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai	11.000	
5	Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Trường Lê	Số 238 Lĩnh Nam - Hoàng Mai	11.000	
6	Công ty CP dịch vụ Nghị lực sống	Tầng 3, lô số 14, đường Nguyễn Cảnh Dị - Đại Kim - Hoàng Mai	6.000	

STT	Danh sách đơn vị	Địa chỉ	Mức chi /01 đơn vị	Ghi chú
VII	Quận Long Biên		28.000	
1	Hợp tác xã Công nghiệp 20/10 Long Biên	682 Ngọc Lâm - Long Biên	11.000	
2	Công ty TNHH cơ khí chế tạo và dịch vụ tổng hợp 27/7	Đức Giang - Long Biên	11.000	
3	Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Tiến Thành	Khu đô thị Việt Hưng- Đức Giang - Long Biên	6.000	
VIII	Huyện Đông Anh		17.000	
1	Hợp tác xã sản xuất vật liệu xây dựng Thương binh Phúc Lâm Đông Anh	Mai Lâm - Đông Anh	11.000	
2	Trung tâm Vi ngày mai	Đại Đồng - Đại Mạch - Đông Anh	6.000	
IX	Huyện Gia Lâm		11.000	
1	Hợp tác xã thương binh 22/12 Gia Lâm	Văn Đức - Gia Lâm	11.000	
X	Huyện Thanh Trì		44.000	
1	Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ tổng hợp thương binh 10/10	Thị trấn Văn Điển - Thanh Trì	11.000	
2	Công ty TNHH thương binh Thanh Trì	Tả Thanh Oai - Thanh Trì	11.000	
3	Công ty TNHH Xây dựng TMDV tổng hợp Thăng Long	Đội 7, xã Tả Thanh Oai - Thanh Trì	11.000	
4	Công ty Cổ phần thương binh Trường Sơn Tây Nguyên	Thôn 1, Đông Mỹ - Thanh Trì	11.000	
XI	Quận Cầu Giấy		24.000	
1	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi thành phố Hà Nội	Số 1 Tôn Thất Thuyết - Cầu Giấy	6.000	
2	Hội cứu trợ trẻ em khuyết tật thành phố Hà Nội	Số 1 Tôn Thất Thuyết - Cầu Giấy	6.000	
3	Hội Người khuyết tật thành phố Hà Nội	Số 1 Tôn Thất Thuyết - Cầu Giấy	6.000	
4	Công ty cổ phần Auto Series	Số 9 Diu Tân - Dịch Vọng Hậu - Cầu Giấy	6.000	
XII	Quận Tây Hồ		11.000	
1	Doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp nhiệt lạnh Hà Nội	212 Nghi Tàm - Yên Phụ - Tây Hồ	11.000	
XIII	Huyện Ba Vì		11.000	
1	Trung tâm phục hồi chức năng Bộ Lao động TBXH	Thụy An - Ba Vì	11.000	

STT	Danh sách đơn vị	Địa chỉ	Mức chi /01 đơn vị	Ghi chú
XIV	Huyện Sóc Sơn		6.000	
1	HTX tiểu thủ công mỹ nghệ Trái tim hồng	75 phố Gò Sỏi - Hồng Kỳ - Sóc Sơn	6.000	
XV	Quận Nam Từ Liêm		6.000	
1	Công ty cổ phần Kym Việt	Số 123 phường Trung Văn- Nam Từ Liêm	6.000	
XVI	Huyện Chương Mỹ		11.000	
1	Công ty Cổ phần thương binh 19/8	Km 20 quốc lộ 6, Chúc Sơn - Chương Mỹ	11.000	

**Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ và bổ sung tiền ăn trong các ngày Tết cho các đối tượng nhân dịp
Tết Quý Mão năm 2023**

Giao: Sở Lao động Thương binh và xã hội, Sở Y Tế

(Kèm theo Kế hoạch số 29 /KH-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Số lượng (người)	Mức chi	Kinh phí	Trong đó	
					Sở Lao động Thương binh và xã hội	Sở Y tế
I	Chi bồi dưỡng cho cán bộ, hỗ trợ tiền ăn đối tượng nuôi dưỡng, chữa trị tập trung:	6.936	-	3.468.000	3.348.000	120.000
1	Bồi dưỡng cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm chữa trị và nuôi dưỡng đối tượng tập trung:	2.276	0	1.138.000	1.056.000	82.000
	- Các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và xã hội	2.112	500	1.056.000	1.056.000	
	- Bệnh viện 09- Sở Y tế	164	500	82.000		82.000
2	Hỗ trợ một phần tiền ăn thêm trong dịp tết cho các đối tượng đang được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung	4.660	0	2.330.000	2.292.000	38.000
	- Các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và xã hội	4.584	500	2.292.000	2.292.000	
	- Bệnh viện 09- Sở Y tế	76	500	38.000		38.000

PH QH